

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ năm, ngày 22 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/8/2019		•	
Tuần 19/8-23/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tuy đã tăng vẫn dè dặt nhưng VN-Index đã có sự giằng co trong biên độ hẹp tại mốc tham chiếu 1000 điểm. Sự giằng co xoay quanh nhịp phân hóa của dòng tiền vào các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Đến phiên chiều, chỉ số cải thiện đã tăng nhờ lực mua tập trung mạnh ở mã VIC và VHM. Nhịp đi ngang của VN-Index phù hợp với diễn biến trái chiều của các thị trường trong khu vực khi biên bản cuộc họp FED cho thấy rõ ràng sự bất đồng quan điểm trong quyết định tăng lãi suất của tháng trước. Mặc dù vẫn giữ được sắc xanh nhưng thanh khoản giảm nhẹ cũng cho thấy tâm lý cẩn trọng của nhà đầu tư trước ngưỡng kháng cự mạnh 1000 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về giá. Các hợp đồng ngắn hạn giảm giá, trong khi các hợp đồng dài hạn hơn lại tăng giá. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. PNJ đã giảm xuống ngưỡng 83 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng 88. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật cùng cho thấy các tín hiệu giảm giá trong ngắn hạn sau khi cổ phiếu cổ phiếu tích lũy tại ngưỡng 85, và sẽ tạo áp lực giảm giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng +1.2%. Danh mục Hàng tiêu dùng có hiệu suất ấn tượng nhất 1.2%. Các cổ phiếu trong danh mục Hàng tiêu dùng được đánh giá cao về tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Do áp lực chốt lời, danh mục Cổ phiếu hết room ngoại giảm 1.1% trong ngày hôm nay; tuy nhiên danh mục vẫn có hiệu suất ấn tượng trong thời gian qua. 13/14 danh mục có hiệu suất khả quan trong vòng 1 tuần gần nhất.

Cập nhật iBROKER: SAB, HAH

Phân tích kỹ thuật: TNG_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.88 điểm**, đóng cửa 997.26. HNX-Index **+0.49 điểm**, đóng cửa 103.50.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.75); VHM (+0.59); MSN (+0.35); VJC (+0.21); BVH (+0.18).**
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.36); SAB (-0.35); GAS (-0.33); BID (-0.25); CTG (-0.16).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,861.6 tỷ đồng**, **-15.06%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.44 điểm. Thị trường có 141 mã tăng và 161 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **87.54 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VJC (58.84 tỷ), OPC (36.32 tỷ) và VRE (14.19 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **9.09 tỷ đồng**.

VN-INDEX

997.26

Giá trị: 2861.61 tỷ

2.88 (0.29%)

Khối ngoại (ròng): -87.54 tỷ

HNX-INDEX

103.50

Giá trị: 321.34 tỷ

0.49 (0.48%)

Khối ngoại (ròng): -9.09 tỷ

UPCOM-INDEX

57.93

Giá trị: 372.08 tỷ

0.09 (0.16%)

Khối ngoại(ròng): 13.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.0	0.50%
Giá vàng	1,498	-0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,202	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,719	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,814	0.23%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	4.05%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	33.5	VJC	58.8
PVD	16.4	OPC	36.3
KBC	14.9	VRE	14.2
VHM	9.8	SSI	8.6
MSN	8.9	KDH	7.4

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

i-INVEST

Trang 2

Tín hiệu cổ phiếu

Trang 3

Tín hiệu hàng hóa

Trang 4

Thị trường phái sinh

Trang 5

Cổ phiếu lớn

Trang 6

Thống kê thị trường

Trang 7

Báo cáo mới nhất

Trang 8

iBroker

Trang 9

Khuyến cáo sử dụng

Trang 10

Bạn không có thời gian để đầu tư

Bạn bận khoản với biến động thị trường

Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

[Link](#)

Danh mục **Hàng tiêu dùng** có hiệu suất ấn tượng nhất **1.2%**. Các cổ phiếu trong danh mục Hàng tiêu dùng được đánh giá cao về tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Do áp lực chốt lời, danh mục Cổ phiếu hết room ngoại giảm **1.1%** trong ngày hôm nay; tuy nhiên danh mục vẫn có hiệu suất ấn tượng trong thời gian qua. 13/14 danh mục có hiệu suất khả quan trong vòng 1 tuần gần nhất.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_1.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Hàng tiêu dùng	1.2%	1.6%	5.1%	5.4%	7.7%	10.9%	67.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	2.2%	0.9%	1.4%	-2.4%	3.4%	95.0%
Chiến tranh thương mại	0.1%	0.3%	-1.3%	-2.3%	0.7%	11.1%	13.5%
Ngân hàng	0.0%	2.7%	1.8%	7.4%	3.5%	-0.9%	74.6%
BDS & Khu công nghiệp	-0.1%	1.2%	1.8%	4.0%	4.4%	8.9%	59.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	2.2%	-1.0%	-0.7%	7.4%	22.3%	59.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	1.0%	2.2%	4.4%	1.2%	3.3%	76.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	1.5%	-2.9%	-3.0%	-3.9%	-2.9%	52.6%
Nước & Năng lượng	-0.4%	2.7%	-1.1%	-1.6%	3.3%	15.0%	62.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.4%	2.0%	-0.5%	-2.3%	0.7%	-4.1%	1.7%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	1.8%	1.4%	2.1%	6.4%	9.8%	15.0%
Xây dựng	-0.4%	2.7%	-1.5%	-4.3%	-4.6%	-11.0%	31.6%
Dầu khí	-0.8%	3.1%	-1.1%	-3.3%	6.2%	7.1%	13.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.1%	-0.1%	3.1%	6.3%	5.7%	3.5%	73.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 18	0.4%	1.8%	1.9%	-1.1%	4.2%	12.7%	110.5%
Danh mục 12	0.3%	1.1%	1.5%	-1.3%	3.9%	11.9%	118.9%
Danh mục 9	0.3%	2.6%	3.8%	4.3%	7.7%	9.4%	62.0%
Danh mục 2	-0.5%	0.6%	1.6%	1.3%	2.8%	2.7%	79.0%
Danh mục 1	-0.6%	1.2%	3.9%	5.9%	2.9%	4.7%	73.1%
* Note	Hôm nay có 18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần khả quan						

Khẩu vị Rủi ro		Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.					
Danh mục 20	0.3%	1.7%	-0.7%	2.2%	1.3%	10.3%	20.7%
Danh mục 21	0.0%	2.6%	2.8%	4.3%	6.8%	4.8%	50.7%
Danh mục 19	-0.1%	1.2%	3.5%	6.3%	7.2%	10.2%	57.5%
Danh mục 22	-0.2%	1.2%	4.0%	8.3%	9.7%	3.5%	66.6%
Danh mục 24	-0.5%	1.4%	0.9%	7.8%	8.8%	6.4%	65.9%
* Note		Hôm nay có 7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần khả quan					

INDEX							
VNINDEX	0.3%	1.8%	0.8%	2.8%	0.8%	1.5%	51.6%
VN30INDEX	0.1%	1.2%	1.5%	1.9%	-3.0%	-6.1%	39.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

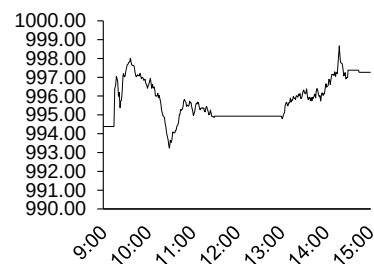
BSC RESEARCH

8/22/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

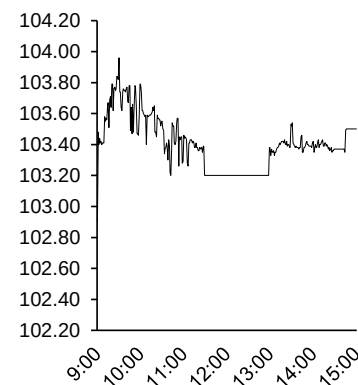
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bất động sản	1.4%
Bảo hiểm	0.7%
Y tế	0.1%
Du lịch và Giải trí	0.1%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Dầu khí	0.0%
Ngân hàng	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Hóa chất	-0.3%
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%
Truyền thông	-0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.4%
Công nghệ Thông tin	-1.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1%
Bán lẻ	-2.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TNG_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu TNG đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi chạm đáy tại ngưỡng giá 17.5. Thanh khoản cổ phiếu đã tăng mạnh trở lại và vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá khá mạnh. Trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy tín hiệu khá tích cực thì chỉ báo MACD cũng cho dấu hiệu tích cực của nhịp vận động giá. Đường giá cổ phiếu cũng sắp chạm vào dải mây ichomoku, báo hiệu khởi đầu của xu hướng tăng trong trung hạn. Như vậy, TNG sẽ tăng trở lại vùng giá 21-22 trong các phiên giao dịch tới.



Phân Tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2019 của TNG đạt 4,366 tỷ đồng (+20.9% YoY) dựa trên giả định đơn hàng dệt may xuất khẩu ký kết trong năm đạt 182 triệu USD (+20.1% YoY), mảng thời trang nội địa TNG Fashion đạt 148 tỷ doanh thu (+10% YoY). Ước tính đơn hàng của chúng tôi dựa trên đánh giá triển vọng ngành khả quan trong năm 2019 và giá trị đơn hàng đã được xác nhận của công ty phân bổ sản xuất đến tháng 9/2019 là 161 triệu USD. Chúng tôi dự báo biên lợi nhuận gộp sẽ tăng nhẹ từ 17.7% lên 17.8% nhờ tăng năng suất lao động và hiệu quả quản lý chi phí. LNST dự báo đạt 231.5 tỷ (+28.1% YoY), tương ứng với EPS = 3,492 đồng/CP, EPS pha loãng = 2,931 đồng/CP.

Luận điểm đầu tư:

Rủi ro Đầu tư: Rủi ro tín dụng: Hoạt động của TNG hiện phụ thuộc lớn vào nguồn vốn vay, đặc biệt là vay nợ ngắn hạn, vốn lưu động ròng và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh < 0 sẽ tiềm ẩn rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp nếu nguồn tài trợ đột ngột bị thu hẹp. Rủi ro pha loãng từ 200 tỷ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2018, lần chuyển đổi đầu tiên có thể diễn ra cuối năm 2019.

Cập nhật KQKD

Kế hoạch kinh doanh 2019: Doanh thu 4,154 tỷ (+15% YoY), lợi nhuận sau thuế 208 tỷ (+15.4% YoY). Tỷ lệ cổ tức dự kiến cho năm 2019 là 16-20%. Đầu tư mở rộng: (i) Mở rộng NM May Đồng Hỷ từ 9 chuyển lên 30-35 chuyển may (+9-11% công suất), vốn đầu tư 250 tỷ. (ii) Dự án TNG Võ Nhai (quy mô 32-36 chuyển may/ 2 giai đoạn 2019-2020), vốn đầu tư 290 tỷ: đang trong quá trình lập dự án, giải phóng mặt bằng. TNG cho biết sau khi đầu tư xong NM Võ Nhai sẽ tạm dừng đầu tư mở rộng vì quy mô đã tương đối lớn, do đó sẽ giảm áp lực lên vốn đầu tư, nợ và dòng tiền.

Kết quả kinh doanh Q1/2019: Doanh thu 806 tỷ (+34% YoY), LNST 37 tỷ (+72% YoY). Giá trị đơn hàng ký đến thời điểm hiện tại phân bổ cho sản xuất đến hết T9/2019 là 161 triệu USD, trong đó thị trường EU(28): 80 triệu USD (tỷ trọng 50%), Mỹ 50 triệu USD (31%), các nước CPTPP 18 triệu USD (11%), Nga- Belarus 11 triệu USD (7%). Ước tính doanh thu 6T2018 đạt 2,200 tỷ đồng (+48% YoY).

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 22/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 22/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.07	-0.64%	1.57%	-0.22%	-17.34%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.52	0.78%	1.91%	-4.18%	-18.94%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.70	0.92%	0.59%	-7.78%	-18.48%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1503.36	0.03%	-0.53%	5.85%	26.19%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.14	0.06%	-0.07%	5.22%	16.72%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	860.53	0.56%	-0.15%	-3.21%	0.17%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	462.42	0.54%	-2.93%	-5.62%	-12.57%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.59	-0.11%	-0.06%	1.03%	17.27%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.90	-2.27%	-11.12%	-26.75%	0.78%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.40	-0.35%	-1.72%	-1.30%	12.08%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	0.00%	9.13%	-15.12%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	92.70	1.37%	-1.22%	-11.23%	-3.22%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.58	0.25%	-0.43%	-5.13%	-3.49%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3749.00	-0.19%	-0.92%	-7.71%	-16.11%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1782.00	-0.67%	-0.17%	-1.87%	-13.70%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	-1.08%	1.10%	-23.01%	36.30%	HLC, NBC	HT1, BCC
Than đá	USD/ton	68.00	-0.29%	-5.75%	-9.85%	-35.76%	HSG, HPG	HSG, HPG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 21/08 tăng 0.27 USD lên 60.30 USD/thùng. Dầu thô Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 giảm 0.45 USD xuống 55.68 USD/thùng.
- Giá dầu ổn định trong phiên qua sau khi số liệu của chính phủ Mỹ cho thấy dự trữ dầu thô trong nước giảm nhưng dự trữ nhiên liệu lại tăng, trong khi lo lắng kéo dài về kinh tế toàn cầu gây áp lực cho thị trường này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 1,504 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ đóng cửa tại 1,515.7 USD/ounce.
- Vàng giảm trong phiên do chứng khoán tăng và do các nhà đầu tư đợi biên bản cuộc họp mới nhất của Fed trong tháng 7 để có manh mối về việc cắt giảm lãi suất. Các yếu tố cơ bản với vàng vẫn tích cực do các ngân hàng trung ương tăng dự trữ vàng trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị, tranh chấp thương mại và những dấu hiệu kích thích kinh tế.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm phiên thứ 5 liên tiếp, đóng cửa giảm 4.3% xuống 589.5 CNY/tấn, thấp nhất kể từ ngày 10/6. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm xuống thấp nhất 10 tuần, tiếp tục giảm sau khi tập đoàn khai thác khổng lồ BHP đưa ra triển vọng bi quan về giá nguyên liệu thô sản xuất thép.
- Giá thép cây trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 1.1% xuống 3,686 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.2% xuống 3,720 CNY/tấn. Giá thép đã giảm trong những tuần gần đây do nhập khẩu của Trung Quốc phục hồi, trong khi nhu cầu thép yếu theo mùa và việc hạn chế sản xuất diễn ra tại một số trung tâm sản xuất thép.

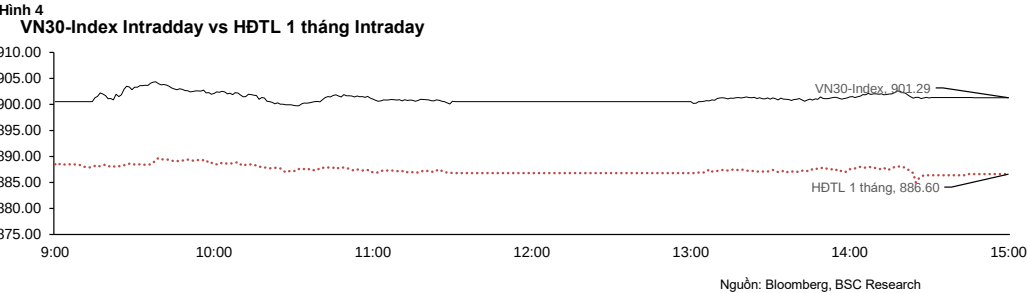
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 tăng 1.4 US cent hay 1.5% lên 96.65 US cent/lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 đã tăng 4 USD hay 0.3% lên 1,328 USD/tấn. Đồng real của Brazil mạnh hơn đã hỗ trợ do không khuyến khích các nhà sản xuất bán các hàng hóa định giá bằng USD như cà phê và đường. Giá cũng được củng cố bởi khả năng sản lượng giảm đi trong năm tới tại Brazil sau khi thời tiết bất lợi.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 21/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 2.7 JPY xuống 168.3 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 200 CNY (28.33 USD) xuống 11,390 CNY /tấn. Giá cao su kỳ hạn trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) giảm theo xu hướng giá tại Thượng Hải do lo sợ dư cung của mặt hàng này sau khi các nhà sản xuất hàng đầu thế giới kết thúc việc hạn chế xuất khẩu.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	886.60	-0.08%	-14.69	-21.9%	64602	9/19/2019	28
VN30F1910	884.80	-0.01%	-16.49	-3.0%	390	10/17/2019	56
VN30F1912	886.80	0.15%	-14.49	-26.4%	89	12/19/2019	119
VN30F2003	884.80	0.16%	-16.49	-16.0%	21	3/19/2020	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 0.75 điểm lên mức 901.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MSN, VJC, VHM, và ROS tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 có phiên giằng co quanh ngưỡng 901 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục vẫn thấy xu hướng tăng ngắn hạn. Thanh khoản giảm cho thấy tâm lý chờ đợi các tín hiệu tiếp theo của chỉ số.
- Các HĐTL có sự phân hóa về giá. Các hợp đồng ngắn hạn giảm giá, trong khi các hợp đồng dài hạn hơn lại tăng giá. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1910, các hợp đồng còn lại đều tăng. Điều này phản ánh các điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và phục hồi trong trung hạn của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	Kl giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CMWG1902	VND	12/11/2019	111	4:1	4,530	-73.9%	2,400,000	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	130	1:1	47,200	-8.6%	1,000,000	20.87%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	117	1:1	69,350	10.8%	1,000,000	21.30%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	39	1:1	44,200	-9.8%	1,000,000	18.93%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	37	1:1	140,920	-50.4%	3,000,000	21.30%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	18	4:1	27,060	-71.5%	1,000,000	20.87%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	130	1:1	52,080	97.6%	2,000,000	18.93%
CFPT1901	VND	9/11/2019	20	2:1	112,250	-27.4%	2,000,000	18.93%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	130	5:1	149,310	29.1%	2,000,000	20.87%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	130	1:1	16,560	-49.8%	1,000,000	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	21	2:1	87,900	62.4%	1,500,000	29.96%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	19	2:1	55,040	-57.8%	2,000,000	29.96%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	39	1:1	30,900	-46.2%	1,000,000	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	19	5:1	110,720	135.0%	1,000,000	22.75%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	113	10:1	266,710	-47.6%	5,000,000	22.20%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	111	5:1	84,370	-14.6%	3,000,000	29.96%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm đảm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- CPNJ1901 và CHPG1903 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 9.42% và 7.50%. Thanh khoản thị trường giảm 27.27%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 21% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. PNJ đã giảm xuống ngưỡng 83 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng 88. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật cùng cho thấy các tín hiệu giảm giá trong ngắn hạn sau khi cổ phiếu cổ phiếu tích lũy tại ngưỡng 85, và sẽ tạo áp lực giảm giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	126.10	3.02	2.18
MSN	78.00	1.30	0.65
VJC	132.20	0.99	0.49
VHM	87.90	0.69	0.30
ROS	25.95	2.17	0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	117.5	-2.33	-1.12
PNJ	83.5	-2.45	-0.52
FPT	53.0	-1.12	-0.45
HPG	23.1	-0.65	-0.35
SAB	276.0	-0.68	-0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,900	4,800	1.48%	4,059
1,200	840	1.20%	20
3,200	3,630	0.28%	1,684
3,800	9,400	0.00%	7,242
1,200	990	-1.00%	367
2,990	9,090	-1.09%	7,205
1,000	520	-1.89%	0
6,000	13,100	-2.53%	7,973
3,300	3,800	-2.56%	1,804
1,900	2,650	-3.64%	2,040
2,000	7,850	-4.73%	7,352
2,200	2,210	-5.96%	933
14,000	34,600	-6.21%	29,060
2,700	5,900	-6.35%	4,840
1,500	740	-7.50%	310
1,700	2,500	-9.42%	1,030

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1902	48,130	90,000	117,500
CMWG1904	165,000	90,000	117,500
CMBB1902	26,300	21,800	22,550
CFPT1902	96,981	45,140	53,000
CMBB1901	23,700	20,600	22,550
CMWG1901	96,300	88,300	117,500
CFPT1903	56,154	45,140	53,000
CFPT1901	27,000	44,154	53,000
CMWG1903	25,800	95,000	117,500
CHPG1905	93,300	23,100	23,050
CHPG1903	22,100	23,200	23,050
CHPG1901	47,999	22,900	23,050
CHPG1904	98,800	23,100	23,050
CPNJ1901	26,300	77,981	83,500
CVNM1901	46,340	158,888	124,000
CHPG1902	168,888	41,999	23,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.5	-2.3%	0.7	2,262	5.3	7,893	14.9	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.5	-2.5%	1.0	808	4.4	4,727	17.7	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	78.7	1.2%	1.3	2,398	0.5	1,503	52.4	3.6	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	38.4	-2.5%	0.7	386	0.9	3,061	12.5	1.3	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	126.1	3.0%	1.1	18,344	3.6	1,673	75.4	5.1	15.3%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.8	-0.4%	1.1	3,620	1.9	1,033	34.6	2.9	32.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.8	-0.3%	0.8	2,541	0.8	3,579	17.5	2.9	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	36.7	-1.3%	1.0	495	1.5	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	13.7	-2.5%	1.4	309	0.6	2,944	4.6	1.1	46.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.4	-0.4%	1.3	496	1.0	1,997	11.2	1.2	58.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.5	1.4%	1.0	254	0.1	5,067	7.0	1.6	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.8	1.4%	1.4	289	1.5	1,434	15.2	1.6	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.0	-1.1%	0.8	1,563	4.4	4,349	12.2	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.5	-1.1%	0.4	503	0.0	3,778	12.3	3.1	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.6	-0.6%	1.5	8,704	1.3	6,066	17.2	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.6	0.0%	1.5	3,187	0.3	3,271	19.1	3.7	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	21.2	-1.9%	1.7	441	2.2	2,351	9.0	0.8	23.9%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.3	-2.1%	0.8	1,254	0.7	1,163	8.0	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.5	0.1%	0.5	537	0.1	4,602	20.5	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	0.0%	0.7	232	0.3	853	16.0	0.7	19.7%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.1	-0.4%	0.7	187	0.0	894	9.1	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	80.0	0.0%	1.3	12,900	2.7	4,729	16.9	3.9	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	37.6	-0.7%	1.5	5,589	2.7	2,107	17.8	2.4	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.6	-0.7%	1.6	3,335	1.8	1,470	14.0	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.8	0.3%	1.2	2,115	1.3	2,989	6.6	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.6	0.2%	1.1	2,072	4.7	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.7	1.8%	1.1	1,600	1.6	3,438	6.6	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	50.6	-0.4%	0.9	180	0.2	5,040	10.0	1.7	76.9%	17.2%
NTP	Nhựa	38.7	1.0%	0.4	150	0.0	4,490	8.6	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	0.0%	1.2	649	0.1	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.1	-0.6%	1.0	2,767	3.3	2,898	8.0	1.4	37.9%	19.9%
HSG	Thép	7.1	5.0%	1.5	131	1.2	425	16.7	0.6	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.0	0.1%	0.8	9,388	2.8	5,465	22.7	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	276.0	-0.7%	0.8	7,695	0.2	6,735	41.0	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	78.0	1.3%	1.2	3,964	1.3	3,304	23.6	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.2	-0.3%	0.5	369	1.1	542	29.8	1.4	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	81.3	-0.6%	0.8	7,695	0.2	2,630	30.9	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.2	1.0%	1.1	3,113	6.0	9,850	13.4	5.1	19.1%	43.3%
HAV	Vận tải	39.0	-0.8%	1.7	2,405	0.5	1,747	22.3	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.2	-1.7%	0.8	363	0.8	1,888	14.9	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.0	-1.6%	0.6	220	0.6	2,505	7.2	1.3	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.5	-2.6%	0.9	590	1.6	7,458	11.6	4.4	2.3%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.3%	0.9	361	0.3	1,333	13.9	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	-0.6%	0.8	263	0.1	1,657	9.6	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	100.0	-1.9%	0.7	332	0.2	13,465	7.4	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.7	0.4%	1.1	513	0.5	1,307	20.4	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.5	-1.4%	0.5	221	0.4	485	42.3	1.0	52.2%	2.4%
POW	Điện	13.3	-0.4%	0.6	1,349	0.7	820	16.2	1.3	14.7%	7.8%
NT2	Điện	24.9	0.0%	0.6	311	0.1	2,241	11.1	1.8	22.0%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	126.10	3.02	3.66	671970.00
VHM	87.90	0.69	0.59	380330.00
MSN	78.00	1.30	0.35	398850.00
VJC	132.20	0.99	0.21	1.05MLN
BVH	78.70	1.16	0.19	144600.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.70	1.79	0.68	1.65MLN
TNG	19.00	4.97	0.04	1.99MLN
MBG	14.10	9.30	0.02	31900.00
PVX	1.50	7.14	0.02	346400.00
CTX	47.60	6.49	0.02	2600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	117.50	-2.33	-0.37	1.04MLN
SAB	276.00	-0.68	-0.36	18250.00
GAS	104.60	-0.57	-0.34	284870.00
BID	37.60	-0.66	-0.25	1.62MLN
CTG	20.60	-0.72	-0.17	1.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.20	-1.85	-0.10	2.39MLN
VCS	86.50	-2.59	-0.08	421700.00
PVI	38.40	-2.54	-0.04	520800.00
OCH	7.00	-4.11	-0.03	1700.00
SHS	8.20	-2.38	-0.03	922600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	9.21	6.97	0.00	210.00
RIC	5.87	6.92	0.00	40.00
JVC	2.95	6.88	0.01	395110.00
TNT	2.03	6.84	0.00	129580.00
AGF	3.31	6.77	0.00	6690.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	131800.00
TMB	11.00	10.0	0.01	100.00
TXM	3.30	10.0	0.00	600.00
VC2	16.50	10.0	0.01	18900.00
CMC	9.40	9.3	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	13.95	-7.00	0.00	246960.00
TGG	3.19	-7.00	0.00	2.36MLN
FTM	15.45	-6.93	-0.02	90.00
HRC	48.40	-6.92	-0.03	210.00
SVT	7.17	-6.88	0.00	1050.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBW	24.30	-10.00	-0.01	1100.00
SGH	48.30	-9.89	-0.01	100.00
VHE	12.30	-9.56	-0.01	28000.00
POT	18.00	-9.55	-0.01	100.00
NFC	5.70	-9.52	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	30.1	3,705	8.1	2.2	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	53.0	4,349	12.2	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	16.4	649	25.3	1.4	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	117.5	7,893	14.9	5.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	83.5	4,727	17.7	4.5	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.5	5,276	10.3	2.9	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.5	4,234	6.7	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.7	3,438	6.6	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.9	3,181	5.6	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.1	425	16.7	0.6	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	48.2	4,314	11.2	3.3	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	78.0	3,304	23.6	2.9	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.2	1,888	14.9	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.5	7,893	14.9	5.0	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.1	3,760	8.3	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.9	1,433	5.5	0.5	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	82.4	18,865	4.4	1.7	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	23.0	1,295	17.8	1.8	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	19.0	3,437	5.5	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phát sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phát sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoại vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

